TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 568/2019/HNGĐ-PT Ngày: 18-6-2019 V/v Tranh chấp ly hôn.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thọ Viên

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhung

Ông Nguyễn Văn Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 18/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án thụ lý số 23/2019/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về vụ việc "Tranh chấp ly hôn và nợ chung".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 2510/2018/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1218/2019/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Kầm Minh T, sinh năm: 1961
Địa chỉ: Đường T3, Phường Z, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị Tố L, sinh năm: 1960
Địa chỉ: Đường T3, Phường Z, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Trần Thị Thu H – Luật sư của Văn phòng luật sư G thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng X
Địa chỉ: 02 Đường F, quận Đ, Thành phố Hà Nội.
Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng X: Công ty Y
Địa chỉ: Đường J, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện ủy quyền: Ông Trịnh Văn M, sinh năm: 1974 và bà Phan Thị L1, sinh năm: 1976 (Văn bản ủy quyền số 0181/NHNoHCM-PC ngày 21/03/2019)

2. Bà Nguyễn Thị Minh T1, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Đường E, khu phố 3, phường O, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Nguyễn Văn Nghi, phường 7, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 021319, quyển số 11 lập ngày 21/11/2018)

3. Ông Hoàng Minh C, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Đường E, phường O, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Nguyễn Ngọc L2, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Đường L4, phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Huỳnh Minh P, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Đường L5, Phường R, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông Kầm Minh T và bà Trần Thị Tố L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của ông Kầm Minh T:

Tháng 11/1991, ông Kầm Minh T và bà Trần Thị Tố L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B1, huyện T4, tỉnh N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 145/91, quyển số 01, ngày 21/11/1991.

Trong quá trình chung sống giữa ông T và bà L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự tin tưởng nhau, hai bên đã ly thân từ 2007 đến nay, mâu thuẫn giữa hai bên đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Tố L.

Về con chung: Có 02 con chung là Kầm Trần Thái H1 - sinh ngày 29/4/1994 và Kầm Trần Thái V - sinh ngày 30/8/1990, đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về yêu cầu độc lập của của Ngân hàng X, nguyên đơn cho rằng:

Do khoản nợ 1.100.000.000 đồng mà ông và bà L vay của Ngân hàng X đã đến thời hạn trả nợ nên ông có nhờ ông Huỳnh Minh P (tên gọi là Phúc) cho vợ chồng ông vay 1.100.000.000 đồng thông qua hợp đồng mua bán nhà, để đáo hạn Ngân hàng. Sau đó, giữa ông và Ngân hàng X - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng số 1700LAV201000750, ngày 18/4/2010 để vay số tiền là 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 120 tháng. Để đảm bảo khoản vay ông và bà L có thế chấp căn nhà, đất tại số 23/18A đường T3, Phường Z, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của vợ chồng theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1700-LCP-201000455 ngày 22 tháng 4 năm 2010. Sau khi ký hợp đồng tín dụng trên, ông và bà L chưa nhận bất cứ một khoản tiền nào từ phía ngân hàng, đối với giấy uỷ nhiệm chi mà ông ký để Ngân hàng chuyển tiền cho ông Nguyễn Ngọc L2 thì ông xác định chỉ ký khống vào giấy uỷ nhiệm chi, còn nội dung khi ông ký không có và ông cũng không biết

ông L2 là ai. Ngoài ra, đối với hợp đồng tín dụng mà ông ký với ngân hàng được lập thành 2 bản, mỗi bên giữ một bản, bản hợp đồng của ngân hàng có chỉnh sửa một số nội dung như ngày tháng ký hợp đồng, ngày trả nợ hàng tháng, thời điểm tính thời hạn vay...khác với bản hợp đồng tín dụng mà Ngân hàng đưa cho ông. Ông xác định vợ chồng ông chưa nhận tiền từ khoản vay trên nên không đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng buộc vợ chồng ông phải trả số tiền vốn và lãi đối với hợp đồng tín dụng nêu trên.

Ông cũng xác định không có tranh chấp đối với khoản vay và hợp đồng mua bán nhà giữa vợ chồng ông với ông P trong vụ kiện này.

Bị đơn bà Trần Thị Tố L trình bày:

Tháng 11/1991, ông Kầm Minh T và bà Trần Thị Tố L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B1, huyện T4, tỉnh Ntheo Giấy chứng nhận kết hôn số 145/91, quyển số 01. Bà L xác nhận giữa bà và ông T có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng đến mức phải ly hôn. Bà cũng xác định ông T không quan tâm, chăm sóc gia đình và con cái, hai bên đã ly thân từ năm 2007. Nay bà vẫn yêu thương ông T và mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung là Kầm Trần Thái H1 - sinh ngày 29/4/1994 và Kầm Trần Thái V - sinh ngày 30/8/1990, đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về yêu cầu độc lập của của Ngân hàng X: Bà L đồng ý với những lời trình bày của ông T. Bà L xác nhận, ông T ký hợp đồng tín dụng số 1700LAV201000750 ký ngày 18/4/2010 với Ngân hàng X - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để vay số tiền 1.500.000.000 đồng, để đảm bảo khoản vay bà và ông T thế chấp tài sản là nhà, đất tại số 23/18A đường T3, Phường Z, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1700.LCP-201000455 ngày 22/4/2010. Sau khi vay bà và ông T chưa nhận được bất kỳ khoản tiền nào từ Ngân hàng nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X về việc yêu cầu ông T và bà phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh theo nội dung hợp đồng Hợp đồng tín dụng số 1700LAV201000750 ký ngày 18/4/2010. Ngoài ra, bà cũng không đồng ý với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 23/18A đường T3, Phường Z, quận P, thành phố Hồ Chí Minh vì vợ chồng bà không phải chịu trách nhiệm đối với khoản nợ trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Hoàng Thị L3là đại diện theo ủy quyền của Công ty Y trình bày:

Ngày 18/4/2010, ông Kầm Minh T đã ký hợp đồng tín dụng số 1700LAV201000750 với Ngân hàng X - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để vay số tiền là 1.500.000.000 đồng, đảm bảo cho khoản nợ, ông Kầm Minh T và bà Trần Thị Tố L đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là quyền sử

dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 23/18A đường T3, Phường Z, quận P, thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1700-LCP-201000455 ngày 28/4/2010, số công chứng là 004481, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 04/5/2010. Sau khi ký hợp đồng, ông T đã ký uỷ nhiệm chi ngày 06/5/2010 chuyển toàn bộ số tiền 1.500.000.000 đồng này cho ông Nguyễn Ngọc L2. Do đó, Ngân hàng X đã căn cứ vào ủy nhiệm chi do ông T ký để chi số tiền này cho ông L2. Đến nay khoản nợ nêu trên đã quá hạn thanh toán nhưng ông Kầm Minh T vẫn chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng X. Vì vậy, Ngân hàng X có Công ty Y là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng yêu cầu ông Kầm Minh T và bà Trần Thị Tố L thanh toán số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh theo nội dung Hợp đồng tín dụng số 1700LAV201000750, ngày 18/4/2010. Trong trường hợp ông T và bà L không trả được nợ thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 23/18A đường T3, Phường Z, quận P, thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ.

Ông Huỳnh Minh P trình bày:

Do khoản vay 1.100.000.000 đồng của ông T và bà L đối với Ngân hàng X – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã đến hạn trả nợ, theo đề nghị của ông T, ông đã cho ông Kầm Minh T và bà Trần Thị Tố L vay số tiền trên để trả nợ cho Ngân hàng, hai bên có làm giấy vay tiền. Sau đó, ông T và bà L thông báo đã vay được Ngân hàng X số tiền là 1.500.000.000 đồng, khi giao giấy tờ nhà, đất của ông T và bà L cho Ngân hàng thì ông P yêu cầu Ngân hàng X khi giải ngân phải chuyển số tiền vay của ông T và bà L cho ông P. Ông P, ông T, bà L và bà T1 là nhân viên tín dụng Ngân hàng thống nhất làm ủy nhiệm chi cho ông P, nhưng do ông P bận công việc nên có nhờ ông Nguyễn Văn Lượng là người đứng tên trên ủy nhiệm chi và rút toàn bộ số tiền 1.500.000.000 đồng. Đồng thời, ông P giữ chứng minh nhân dân, hộ khẩu của ông T và bà L, để đảm bảo khi tiền vào tài khoản thì ông T và bà L không rút tiền được. Giấy ủy nhiệm chi số tiền 1.500.000.000 đồng cho ông L2 do một mình ông T ký, khi ông T ký thì ủy nhiệm chi đã được ghi toàn bộ nội dung. Hiện nay ông P đã nhận số tiền 1.500.000.000 đồng, ông đã nhiều lần liên hệ với ông T và bà L để giải quyết số tiền nợ, lãi nhưng ông T và bà L không hợp tác. Nay ông P đồng ý trả lại số tiền còn dư cho ông T và bà L sau khi đã trừ số tiền gốc và lãi mà ông T và bà L nợ nếu sau này có yêu cầu, ông không có tranh chấp khoản vay trên, cũng như hợp đồng mua bán nhà đối với ông T bà L trong vụ kiện này.

Bà Nguyễn Thị Minh T1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị Minh T1 xác nhận bà là nhân viên tín dụng của Ngân hàng X – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh làm hồ sơ vay cho ông T bà L, việc vợ chồng ông T và bà L vay số tiền 1.500.000.000 đồng của Ngân hàng được thực hiện đúng quy định. Khi giải quyết hồ sơ vay tiền của ông T, căn cứ hợp đồng tín dụng và giấy ủy nhiệm chi do ông T đã ký, Ngân hàng đã chuyển số tiền 1.500.000.000 đồng vào tài khoản của ông Nguyễn Ngọc L2 theo lệnh chuyển tiền của ông T. Ông T và bà L có vay tiền của ông Huỳnh Minh P (Phúc) nhưng

sau đó các bên không thoả thuận được vấn đề tiền lãi nên ông T và bà L đã chối bỏ việc vay tiền Ngân hàng.

Ông Hoàng Minh C trình bày:

Ông Hoàng Minh C là người được ông Huỳnh Minh P (tên thường gọi là Phúc) nhờ đi nhận tiền thay cho ông P vì ông P bận việc. Ông C xác nhận đã nhận số tiền 1.500.000.000 đồng của ông L2 và đã đưa lại toàn bộ số tiền này cho ông P. Ông C xác định ông không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án nên đề nghị được vắng mặt.

Ông Nguyễn Ngọc L2 trình bày:

Trước đây, ông Hoàng Minh C chồng bà T1 có nhờ ông mở tài khoản để nhận tiền dùm, ông đã mở tài khoản và đã rút tiền đưa cho ông C, số tiền là bao nhiêu ông không nhớ. Nay ông xác định không liên quan gì đến tranh chấp nêu trên

Tại bản án số 2510/2018/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Kầm Minh T:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Kầm Minh T được ly hôn với bà Trần Thị Tố L.

1.2. Về con chung: có 02 con chung là Kầm Trần Thái H1 - sinh ngày 29/4/1994 và Kầm Trần Thái V - sinh ngày 30/8/1990, đã trưởng thành.

1.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Xác định khoản nợ chung của ông Kầm Minh T và Bà Trần Thị Tố L còn nợ của Ngân hàng X có người kế thừa quyền và nghĩa vụ Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam số tiền 3.551.260.431 đồng.

1.4.1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng X có người kế thừa quyền và nghĩa vụ là Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

1.4.2. Buộc ông Kầm Minh T và bà Trần Thị Tố L phải trả cho Ngân hàng X có người kế thừa quyền và nghĩa vụ là Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam số tiền 3.551.260.431 đồng (trong đó, nợ gốc: 1.500.000.000 đồng và lãi 2.051.260.431 đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Kầm Minh T và bà Trần Thị Tố L tiếp tục thanh toán cho Ngân Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có người kế thừa quyền và nghĩa vụ là Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam khoản tiền lãi tương ứng với số tiền nợ gốc còn nợ cho đến khi thanh toán dứt nợ với mức lãi suất theo quy định tại hợp đồng tín dụng nêu trên.

Ngay sau khi ông T và bà L thanh toán hết nợ, Ngân hàng X có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín

dụng Việt Nam phải làm thủ tục giải chấp căn nhà tại số 23/18A đường T3, Phường Z, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, án phí và nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo luật định.

Ngày 11 tháng 12 năm 2018 ông Kầm Minh T và bà Trần Thị Tố L cùng kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, với yêu cầu: Không đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng buộc ông T và bà L phải trả số tiền vốn và lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 1700LAV201000750 ngày 18 tháng 4 năm 2010 vì ông T và bà L chưa nhận được tiền từ khoản vay trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Kầm Minh T và bà Trần Thị Tố L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L đề nghị: Sửa một phần án sơ thẩm, tuyên bố Hợp đồng tín dụng số 1700LAV201000750 ngày 18 tháng 4 năm 2010 vô hiệu vì một số nội dung, hình thức cơ bản chưa có trong hợp đồng khi hai bên ký kết, ông T và bà L chưa ký nhận tiền từ ngân hàng nên ông T và bà L không có trách nhiệm trả nợ vốn, lãi vay theo yêu cầu của ngân hàng.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng X: Công ty Y không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà L và ông T, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện bà Nguyễn Thị Minh T1 đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị không chấp yêu cầu kháng cáo của ông Kầm Minh T và bà Trần Thị Tố L; Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bên kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng buộc ông T và bà L trả nợ vốn và lãi vay theo Hợp đồng tín dụng số 1700LAV201000750 ngày 18 tháng 4 năm 2010 là có căn cứ nên đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Kầm Minh T và bà Trần Thị Tố L làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông Hoàng Minh C, Nguyễn Ngọc L2, Huỳnh Minh P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên theo quy định Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Xét yêu cầu kháng cáo của ông Kầm Minh T và bà Trần Thị Tố L có đủ căn cứ để xác định:

- Quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 145/91, quyển số 01, ngày 22 tháng 11 năm 1991 của Ủy ban nhân dân xả Trảng Bom I, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông Kầm Minh T và bà Trần Thị Tố L là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận nhận yêu cầu ly hôn của ông Kầm Minh T đối với bà Trần Thị Tố L, phần này đương sự không kháng cáo nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

- Về khoản nợ chung:

Ngày 18/4/2010, ông Kầm Minh T ký Hợp đồng tín dụng số 1700LAV-2010 00750 với Ngân hàng X - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (Agrribank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh) để vay số tiền là 1.500.000.000 đồng; Thời hạn vay 120 tháng; Mức lãi suất trong hạn 16%/tháng (được điều chỉnh hàng năm), quá hạn tính 150%/tháng; Mục đích vay: Thanh toán tiền mua nhà.

Dự nợ tính đến ngày 27/12/2018, gồm:

Nợ vốn gốc: 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 2.051.260.431 đồng; Tổng cộng: 3.551.260.431 đồng.

Để đảm bảo cho khoản nợ vay, ông Kầm Minh T và bà Trần Thị Tố L đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 23/18A Đường T3, Phường Z, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1700-LCP-2010 00455 ngày 28/4/2010 tại Văn phòng công chứng Sài Gòn, số công chứng 004481, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 04/5/2010 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường quận P. Sau khi ký hợp đồng, ông T đã ký uỷ nhiệm chi ngày 06/5/2010 chuyển toàn bộ số tiền 1.500.000.000 đồng này cho ông Nguyễn Ngọc L2. Do đó, Ngân hàng X đã căn cứ vào ủy nhiệm chi do ông T ký để chi số tiền này cho ông L2. Hzp wofng thegchap hoan toan hzp lej theo quy wxnh taiu Wiefu 09 Nghx wxnh 163/2006/NW-CP ngay 29/12/2006 cua Chsnh phu vefgiao dxch bao wam tại thời điểm các bên thực hiện giao dịch. Do wo yeu cafu cua nguyeh wzn vefviej wefnghxphat maf{ tai-san thế chấp wekthu hof nzutrong tr| zng hzp bxwzn khohg th| u hiejn nghya vuutra nzucho nguyeh wzn la~phu~hzp vzi quy wxnh taiu Wiefu 59 Nghxwxnh 163/2006/NW-CP ngay 29/12/2006 cua Chsnh phu vefgiao dxch bao wam.

Trong qua trmh th| u hiejn hzp wofng ông Kầm Minh T và bà Trần Thị Tố L wa{khohg thực hiện nghĩa vụ trả nợugog va~nzulãi thoa thuajn wa{ky keg gil{ a hai beh la~vi phaum nghya vuuthanh toan vefthzi~han tra nzugog va~tra la{ tiefn vay w| zu quy wxnh taiu Hzp wofng tsn duug sog1700LAV-2010 00750 ngay 18/04/2000. Do vi phaum nghya vuuthanh toan neh tòa án cấp sơ thẩm buộc ông

Kầm Minh T và bà Trần Thị Tố L tra ngay tiefi nzugog va~tiefi lai{ theo ml c lai{ suag vay ma~hai beh thoa thuajn taiu hzp wofng, trong trường hợp ông T và bà L không trả được nợ thì phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 23/18A đường T3, Phường Z, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ la~co capn c| nên giữ nguyên phần này của án sơ thẩm.

Việc ông Kầm Minh T và bà Trần Thị Tố L kháng cáo không đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng vì cho rằng ông T và bà Loan chưa nhận được tiền từ khoản vay từ hợp đồng tín dụng nêu trên là không có căn cứ.

Bởi, do khoản vay 1.100.000.000 đồng của ông T và bà L đối với Ngân hàng X – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã đến hạn trả nợ, theo đề nghị của ông T, ông P đã cho ông Kầm Minh T và bà Trần Thị Tố L vay số tiền trên để trả nợ cho Ngân hàng, có làm giấy vay tiền. Sau đó, ông T và bà L đã vay được Ngân hàng X số tiền là 1.500.000.000 đồng, khi giao giấy tờ nhà, đất của ông T và bà L cho Ngân hàng thì ông P yêu cầu Ngân hàng X khi giải ngân phải chuyển số tiền vay của ông T và bà L cho ông P. Ông P, ông T, bà L và bà T1 là nhân viên tín dụng Ngân hàng thống nhất làm ủy nhiệm chi cho ông P, nhưng do ông P bận công việc nên có nhờ ông Nguyễn Văn Lượng là người đứng tên trên ủy nhiệm chi và rút toàn bộ số tiền 1.500.000.000 đồng.

Ngân hàng đã giải ngân chuyển số tiền vay là 1.500.000.000 đồng vào tài khoản ông Nguyễn Ngọc L2 theo yêu cầu của ông T tại giấy ủy nhiệm chi lập ngày 06/5/2010, ông T xác nhận có ký ủy nhiệm chi này. Như vậy mục đích vay số tiền 1.500.000.000 đồng của ông T và bà L là để trả khoản nợ vay đến hạn 1.100.000.000 đồng trước đó cho Ngân hàng X – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh mà ông ông T và bà L chưa thanh toán.

Hzp wofng tsn dung sogl 1700LAV-2010 00750 ngay 18/04/2000; Hợp đồng thế chấp tài sản số 1700-LCP-201000455 ngày 22 tháng 4 năm 2010 và giấy ủy nhiệm chi ngày 06/5/2010 thể hiện ý chí tự nguyện của các bên đương sự, phù hợp với quy định pháp luật nên yêu cầu kháng cáo của ông T và bà L và đề nghị của luật sư bên bà L không có căn cứ để chấp nhận như đã nhận định phần trên.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Kầm Minh T và bà Trần Thị Tố L mỗi người chịu 300.000 đồng do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Điều 293, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Kầm Minh T và bà Trần Thị Tố L.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Kầm Minh T:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Kầm Minh T được ly hôn với bà Trần Thị Tố L.

1.2. Về con chung: Có 02 con chung là Kầm Trần Thái H1 - sinh ngày 29/4/1994 và Kầm Trần Thái V - sinh ngày 30/8/1990, đã trưởng thành.

1.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Xác định khoản nợ chung của ông Kầm Minh T và Bà Trần Thị Tố L còn nợ của Ngân hàng X có người kế thừa quyền và nghĩa vụ Công ty Y số tiền 3.551.260.431 đồng.

1.4.1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng X có người kế thừa quyền và nghĩa vụ là Công ty Y.

1.4.2. Buộc ông Kầm Minh T và bà Trần Thị Tố L phải trả cho Ngân hàng X có người kế thừa quyền và nghĩa vụ là Công ty Y số tiền 3.551.260.431 đồng (trong đó, nợ gốc: 1.500.000.000 đồng và lãi 2.051.260.431 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 1700LAV-2010 00750 ngày 18/04/2000 ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Kầm Minh T và bà Trần Thị Tố L tiếp tục thanh toán cho Ngân Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có người kế thừa quyền và nghĩa vụ là Công ty Y khoản tiền lãi tương ứng với số tiền nợ gốc còn nợ cho đến khi thanh toán dứt nợ với mức lãi suất theo quy định tại hợp đồng tín dụng nêu trên.

Ngay sau khi ông T và bà L thanh toán hết nợ, Ngân hàng X có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Công ty Y phải làm thủ tục giải chấp căn nhà tại số 23/18A đường T3, Phường Z, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T và bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng X người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Công ty Y có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp là căn nhà, đất tại số 23/18A đường T3, Phường Z, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi số tiền tương ứng với khoản nợ còn lại cho Ngân hàng X sau khi phát mãi.

2. Về án phí:

2.1. Ông Kầm Minh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 048996 ngày 11/11/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Ông Kầm Minh T và bà Trần Thị Tố L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 103.025.209 (Một trăm lẻ ba triệu không trăm hai mươi lăm ngàn hai trăm lẻ chín) đồng.

2.3. Hoàn lại cho Ngân hàng X do Công ty Y là người kế thừa quyền và

nghĩa vụ tố tụng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.924.401 (Ba mươi bốn triệu chín trăm hai mươi bốn ngàn bốn trăm lẻ một) đồng theo biên thu tạm ứng án phí số 09248 ngày 13/12/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Kầm Minh T và bà Trần Thị Tố L mỗi người chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được trừ vào các Biên lai thu số 0020044 và 0020045 ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Tòa án nhân dân quận P;
- Chi Cục THADS quận P;
- UBND xã B1, huyện T4, tỉnh N;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thọ Viên